TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 5 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 197/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Dương Ngọc B, sinh năm 1978; Cư trú tại: Ấp KHV, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Mai Văn Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Ấp KHV, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án chị Dương Ngọc B trình bày*:

- Về hôn nhân: Chị B chung sống với anh Đ vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không đoàn tụ được. Nay chị B xác định tình cảm không còn gắn bó yêu thương, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không thể tiếp tục mối quan hệ hôn nhân nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có hai con chung tên Mai Ngọc T, sinh ngày 21/12/1997 và Mai Minh K, sinh ngày 21/10/2001. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị B yêu cầu tự thỏa thuận với anh Đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Mai Văn Đ:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ biết về yêu cầu khởi kiện của chị B nhưng anh Đ không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Dương Ngọc B có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Mai Văn Đ đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị B và anh Đ chung sống vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, không có khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị B yêu cầu được ly hôn anh Đ. Anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị B nên đủ căn cứ xác định rằng anh không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị B.

Xét thấy, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng…"*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay anh chị có đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Mai Ngọc T, sinh ngày 21/12/1997 và Mai Minh K, sinh ngày 21/10/2001. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị B xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Đ không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp. Trường hợp có phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] Về các vấn đề khác: Chị B xác định không có, anh Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Dương Ngọc B và anh Mai Văn Đ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Ngọc B phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011895 ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

3. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viễn kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc